Nhân quả báo ứng lục

Trích từ : https://book.bfnn.org

Dịch giả : Dương Đình Hỷ

1- Đời Tống có một cư sĩ rất tin Phật giáo, tên là Lý Sĩ Khiêm, rất hiếu thuận, từ nhỏ đã mất cha. Sau khi mẹ chết, để tang 3 năm, lập chí không làm quan.

Lý tiên sinh không từng uống qua một giọt rượu, chưa hề ăn qua một miếng thịt. Hành vi đoan chính, khẩu nghiệp hoàn toàn thanh tịnh, chưa hề nói đến từ giết bao giờ. Ông thừa hưởng một sản nghiệp rất lớn, nhưng sinh hoạt của ông như người cùng đinh, rất tiết kiệm. Ăn uống đạm bạc, mặc thì dùng vải thô. Hàng xóm khi có người chết không có tiền mua quan tài thì ông cho tiền mua quan tài gỗ. Anh em tranh nhau tài sản sinh kiện tụng thì ông bỏ tiền ra bù vào phần thiếu cho bằng nhau, khiến cho anh em ngừng cãi nhau, xấu hổ và trở thành người tốt. Một ngày kia ông trông thấy kẻ trộm ăn trộm lúa ngoài đồng. Ông không hô hoán bắt trộm mà im lặng bỏ đi. Người nhà thấy lạ hỏi thì ông đáp :

-Tục ngữ nói cây cần có vỏ, người cần mặt mũi, ai không cần mặt mũi chứ ? Có ai chịu làm kẻ trộm không ? Đều là do thiên tai, nhân họa khiến họ không có cách khác, nên tha thứ họ.

Kẻ trộm nghe được những lời từ bi, nhân ái của ông, không dám ăn trộm nữa và trở thành người lương thiện. Có năm mất mùa, nhiều người không có cách sinh hoạt, Lý tiên sinh mang cả ngàn hộc ngũ cốc ra trợ giúp người nghèo khổ. Đến năm sau họ không trả nợ nổi, đến xin khất nợ, Lý tiên sinh không những không đòi nợ họ, còn mời họ vào nhà ăn, uống và đem đốt những giấy nợ của họ và bảo :

-Ngũ cốc tồn kho ở nhà tôi là để dự bị cứu tế những người nghèo khổ, chứ không phải là quốc trái, các người không phải trả lại gì cả. Hy vọng mọi người không để trong lòng.

Vài năm sau lại có hạn hán, Lý tiên sinh cố gắng xuất lực nấu cháo cứu đói cả vạn người, lại chu cấp lúa giống cho nông dân nghèo nàn. Có người nói :

-Lý tiên sinh, ông cứu được rất nhiều người, âm đức thật lớn.

-Ý nghĩa của âm đức như tiếng chim hót, chỉ để mình biết thôi, người khác thì không biết. Những chuyện tôi làm mọi người đều biết nói chi đến âm đức.

Ông tin sâu vào luật nhân quả của Phật giáo, nhưng người đương thời thì không. Có người hỏi ông :

-Có điển tịch nào ghi chép về nhân quả không ?

-Khổng tử chẳng nói nhà tích thiện tất thừa chuyện vui, nhà không tích thiện không thiếu tai ách. Đó chẳng phải là nói luật nhân quả ư ?

-Còn luân hồi thì sao ?

-Bành sinh làm heo, Như ý làm chó, Hoàng Mẫu làm nhặng, Tuyên Võ làm rùa, Đô Lương làm trâu, Dự Bá làm cá, Linh Hạ làm chim, Thư sinh làm rắn v . v . chẳng là chứng minh luân hồi sao ?

-Con người có khi kiếp sau phải làm thú, còn cây thông thì sao ?

-Luân hồi thăng trầm là do tâm tạo tác. Còn cây thông là thực vật, không có tâm, làm sao so sánh với người được ?

-Tam giáo ưu việt, ông thấy thế nào ?

-Phật giáo như mặt trời, Đạo giáo như mặt trăng, Nho giáo như tinh tú.

Ông trả lời như nước chẩy khiến người hỏi phải thán phục. Ông mất năm 66 tuổi. Những bậc trí giả trong vùng đều rơi lệ, họ than thở :

-Sao trời không bắt tôi đi mà lại bắt ông.

Ngày tống táng hàng vạn người tiễn ông tới nơi an nghỉ cuối cùng. Một đời ông, thâm tín Phật giáo, ở nhà thì hiếu kính cha mẹ, ở ngoài xã hội thì bố

thí cho người nghèo không màng danh lợi, đúng là bố thí Ba La Mật, là một vị Đại Bồ tát. Con cháu ông đều hiển hách.

Thủ tài tự tùy sử Lý Sĩ Khiêm truyền ngữ dịch cải tác.

2- Thư lão tiên sinh người tỉnh Giang Tây, lập một trường học ở giữa hai tỉnh Hồ Nam và Quảng Đông làm kế mưu sinh. Một năm nọ ông cùng đồng bọn về quê. Khi thuyền đỗ, ông lên bờ dạo chơi. Bỗng nghe thấy tiếng khóc thảm thiết. Ông lại gần xem thì là một phụ nữ trung niên. Ông hỏi tại sao bà khóc. Bà ta trả lời :

-Chồng tôi thiếu quan phủ 13 lạng bạc, quan phủ hối rất gắt. Chồng tôi bất đắc dĩ, phải bán tôi đi để lấy tiền, tôi phải lìa nhà đã đành nhưng con tôi cần bú mẹ nếu không sẽ chết, lão tiên sinh bảo tôi phải làm sao ?

Nói xong lại khóc nức nở, ông an ủi bà :

-Người cùng thuyền với tôi đều là thầy giáo người Giang Tây, chỉ cần mỗi người bỏ ra 1 lạng, liền giải quyết được vấn đề, bà chùi mắt đi, đừng khóc nữa.

Nói rồi ông trở về thuyền thương lượng với đồng bọn. Nhưng mọi người không đồng ý với ông, không chịu xuất tiền. Ông đành tự mình xuất ra tiền 2 năm dạy học để dành cho người đàn bà ấy. 13 lạng bạc ấy công đức không nhỏ, cứu cả gia đình bà. Người phụ nữ trung niên ấy liên thanh cảm tạ mà đi. Nhưng thuyền chưa tới Giang Tây, lương thực của Thư lão sư đã cạn, không có tiền để mua thêm. Những người cùng thuyền trách :

-Có đủ sức hãy cứu người, mình còn không đủ ăn, cho người hết tiền bạc, trách mình chứ trách ai ?

Nhưng cũng có người thương ông, gọi ông cùng ăn. Ăn của người ông không giám ăn no. Nhịn đói 2 ngày, khi về đến nhà ông bảo vợ :

-Bà mau nấu cơm cho tôi ăn, tôi đói lắm.

-Nhà đâu còn gạo mà nấu cho ông.

-Vậy thì sang hàng xóm mượn.

-Tôi đã mượn nhiều lần rồi, chờ ông về để thanh toán. Nay ông về rồi, tôi làm sao nói họ cho mượn gạo đây ?

Ông bèn kể chuyện trên đường gặp người đàn bà cho vợ nghe. Bà vợ nói :

-Nếu đã vậy, thì ăn rau rừng mà tôi thường ăn hàng ngày vậy.

Nói rồi vào rừng hái một rổ đầy, nấu chín rồi hai vợ chồng cùng ăn đến no bụng. Đêm đó 2 vợ chồng cùng nghe được trong không trung có tiếng :

-Ngày nay ăn rau rừng, ngày sau con đỗ trạng nguyên.

Hai vợ chồng biết bề trên cho biết trước phúc báo bèn quỳ xuống đất vái tạ. Năm sau, bà vợ sinh một trai bụ bẫm. Quả nhiên sau này đỗ trạng nguyên.

Thủ tài tự đức dục cổ giám dịch ngữ cải tác.

3- Na Luật Sở Tài.

Na Luật Sở Tài là một vị danh thần triều Nguyên. Học vấn uyên bác, không sách đương thời nào không đọc. Thâm hiểu nội điển Phật giáo, thuật số Hoàng Lão. Nguyên Thái Tổ Thành Cát Tư Hãn trước khi hành quân đều nhờ ông bói một quẻ xem được thua thế nào. Dự ngôn thường ứng nghiệm như thần. Do đó, Thành Cát Tư Hãn rất tín nhiệm ông. Có một lần Thành Cát Tư Hãn chinh phục Đông Ấn Độ thì bắt gặp một con thú, có sừng, thân nai, đuôi ngựa, biết nói tiếng người, nói với thị vệ của Nguyên thái tổ :

-Nơi này không nên tiến công, các ông nên bảo chúa các ông thâu binh thì tốt hơn.

Thành Cát Tư Hãn thấy lạ bèn hỏi ông, ông thưa :

-Con thú này hiếm thấy trên đời, tên là Giác Thụy rất hiếu sinh, là một điềm tốt, thỉnh hoàng thương thuận theo ý trời, bảo hộ mạng dân.

Thành Cát Tư Hãn nghe lời thu binh về nước.

Đương thời các quan ở châu, bộ phần lớn là bạo ngược, giết người như ngóe, tùy ý giết người, có kẻ giết chồng, chiếm đoạt vợ, con, hay tài sản. Na Luật Sở Tài nghe nói tình hình hắc ám mà nhỏ lệ, ông viết sớ tâu trình Nguyên đế đề nghị những tội tử hình các quan địa phương không được thi hành, phải giải về kinh để trung ương duyệt sét. Tự đó về sau, sự bạo ngược

dần dần thay đổi. Khi Nam chinh, ông chiêu hàng cả trăm người tránh cho khỏi mất mạng. Khi Thành Cát Tư Hãn đánh Biện Lương (Hà Nam ngày nay) chủ trương thiêu chết toàn thành. Ông thưa với Nguyên đế :

-Hoàng thượng dụng binh mục đích là chiếm đất và dân. Nay thiêu chết dân thì đất có nghĩa gì ?

Thành Cát Tư Hãn còn do dự, ông nói tiếp :

-Những công trình xây cất đẹp đẽ đều ở trong thành, nay đốt hết đi chẳng là phí phạm sao ?

Thái tổ nghe có lý, bỏ ý định ban đầu chỉ giết những kẻ chống đối, kỳ dư không truy cứu, bảo lưu 147 vạn mạng. Những người bỏ trốn rất nhiều, những người giúp đỡ hay chứa chấp sẽ bị chém cả nhà. Sở Tài lại tâu với Nguyên đế :

-Hà Nam đã bình định, nhân dân đều là con đỏ của Hoàng thượng, họ còn chạy đi đâu ? Một người phạm tội mà chém 10 người có quá không ?

Vua nguyên nghe lời, bỏ lệnh đã ra từ trước.

Ông làm quan đến Trung Thư Lệnh, sau khi mất được truy tặng Quảng Ninh Vương. Con làm đến Tả thừa tướng, cháu chắt 11 người đều làm quan to.

Na Luật Sở Tài, thâm tín Phật giáo làm quan to không phải là mục đích của ông mà là vì nước, vì dân.

Thủ tài tự lịch sử cảm ứng thống ký dịch ngữ cải tác.

4-Nhan Thái phu nhân.

Nhan Thái phu nhân người đời Thanh, là mẹ của Nhan Tĩnh Phố tiên sinh. Tánh tình nhân từ, dạy con có phương pháp có thể nói là một nhà mô phạm. Khi mới làm quan, Nhan Tĩnh Phố làm tri huyện ở Bình Độ, Sơn Đông, liêm minh, từ huệ. Nhan Thái phu nhân chịu sự cung phụng của con, dạy con yêu dân, vì dân. Năm Càn Long thứ 5, Nhan Tĩnh Phố nhân công chuyện phải lên tỉnh. Bỗng nhiên trong huyện phát sinh thủy tai, nhiều nhà ở ngoại thành bị ngập nước không ở được, bèn vào thành lánh nạn cả vạn người. Nhưng mưa

lớn vẫn không ngừng, trong thành cũng bị ngập đầy nước. Nạn nhân không có gì ăn, tiếng khóc vang trời đất. Các quan viên trong thành thúc thủ vì quan huyện đi vắng. Nhan Thái phu nhân thấy tình trạng ấy chủ trương mở cửa kho gạo phát cho nạn dân. Nhưng theo quy định, muốn mở cửa kho gạo để phát chẩn thì phải được phép của cấp trên ở tỉnh. Vì vậy họ không dám nghe lời Nhan Thái phu nhân. Bà nói :

-Kho gạo thiết lập là để cứu tế, nay các ông thấy hàang vạn người đang đói, nếu chờ bên trên chấp thuận thì tất cả họ đã trở thành quỷ đói hết rồi ! Nếu cấp trên xử trái lệnh thì tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm, không liên quan gì đến các ông cả. Hơn nữa nhà tôi cũng khá giả, nếu phải bồi thường, tôi sẽ bán tất cả gia tài để bồi trả.

Nhưng các viên chức sợ chuyện, không dám hé môi. Vì vậy Nhan Thái phu nhân nói như đinh đóng cột :

-Có chuyện gì, tôi sẽ chịu trách nhiệm, các ông đừng lo, mau mau mở cửa kho gạo !

Các quan viên thấy Nhan Thái phu nhân cương quyết bèn tuân lệnh mở kho, từng bao, từng bao cấp cho nạn dân. Các nạn dân như được sống lại, tiếng hoan hô vang dội cả thành. Các người giầu có trong thành cảm động vì lòng nhân từ và quả cảm của bà cũng chung tay góp sức cứu nạn.

Qua 7 ngày nạn lụt chấm dứt, kho gạo trống không. Lúc đó Nhan Tĩnh Phố do thuộc cấp báo tin nạn lụt vội trở về huyện. Sau khi nghe thuật lại tình hình, ông vui vẻ bảo :

-Mẹ tôi làm rất đúng, các ông không phải sợ liên lụy gì cả. Mau làm báo cáo lên tỉnh, tôi sẽ sai người về quê bán hết tài sản để bù vào kho gạo.

Khi quan tỉnh nhận được báo cáo thì kinh hãi, dâng sớ về triều, đề nghị theo luật pháp phải cách chức ngay quan huyện, để điều tra. Nhưng may nhờ nhà vua anh minh, không những ông không phải bồi thường mà còn được thăng chức, cho ông làm tri phủ Tế Nam, không lâu lại thăng làm Tuần vũ tỉnh Quý Châu. Còn ban biển tặng Nhan Thái phu nhân để khích lệ. Con ông

cũng làm tới Tổng đốc. Cháu ông cũng làm tới Tổng đốc tỉnh Phúc Kiến. Tất cả đều do sự tích đức của Nhan Thái phu nhân. Không những bà hiền từ mà còn quả cảm, không sợ gì cả, mục đích là để cứu người. Bà là một vị Bồ tát có đủ bi, trí, dũng.

Thủ tài tự tọa hoa chí quả dịch ngữ cải tác.

5- Hồ Phong Ông.

Triều Thanh, Hồ Phong Ông nhận chức Thẩm phán quan ở huyện Kim Sơn, tỉnh Giang Tô. Tính tình trung hậu, liêm khiết, chưa hề có vết tích của sự tham ô nào. Một năm kia, ở huyện Kim Sơn phát sinh một vụ án mạng, nạn nhân bị chết. Huyện bắt hơn 30 người. Lúc đó pháp luật rất nghiêm, chánh phạm hay tòng phạm trong một vụ trộm cướp mà nạn nhân bị tử vong đều bị xử tử hình chém đầu. Hồ Phong Ông phụ trách vụ án này. Ông thấy các can phạm đều là người nghèo, thất nghiệp, không nỡ thấy họ thọ cực hình, ông phán quyết 2 phạm nhân chính tử hình chém đầu, những người còn lại bị đầy ra biên giới làm tạp dịch. Quan huyện nhận rằng phán quyết này quá nhẹ, ông giải thích :

-Bản án này tuy là ăn trộm đoạt mạng, nhưng xét cung từ thì họ không cố ý. Nạn nhân bị chết là do đêm tối các can phạm chạy chốn dẫm đạp, không dùng đao kiếm, có thể giảm khinh. Nếu quan trên chỉ trích ông hãy mang tôi theo để tôi giải thích.

-Ông đã vì dân mà thỉnh mạng, tôi há lại không có từ tâm sao ?

Bèn y theo phán quyết của ông. Quả nhiên cấp trên ra lệnh tái thẩm. Ông viết một bản văn hơn ngàn lời kể rõ sự tình và lý do phán quyết kèm theo tờ trình. Quan Tuần phủ nổi giận, tự mình thẩm xét và đòi quan huyện đến tỉnh. Quan huyện sợ hãi trách Hồ Ông. Ông không sợ, nguyện cùng quan huyện lên tỉnh, ông nói :

-Nếu cấp trên chỉ trích chúng ta xử nhẹ, tôi dĩ nhiên chịu trách nhiệm.

Quan huyện đồng ý cùng ông lên tỉnh. Khi gặp quan Tuần vũ, quan huyện mới đầu nhận sai. Quan Tuần vũ nói :

-Ông nhận chức chưa lâu, ai bảo ông làm thế ?

-Là Hồ Ông phán quan phụ trách vụ án này.

-Hồ phán quan có đi cùng ông không ?

-Dạ ! Ông ta hiện ở ngoài cửa.

Khi gặp Hồ Ông quan Tuần vũ nạt :

-Ông là Thẩm phán quan lại không biết một vụ trộm có người chết thì chánh phạm hay tòng phạm bị xử tủ sao ?

-Tôi dĩ nhiên biết pháp luật quy định chứ, nhưng trong đó có phân biệt nặng nhẹ, không thể đồng loạt coi như nhau.

-Ăn trộm giết người làm sao phân nặng, nhẹ ?

-Pháp luật đối với người đã từng có án phạm, nếu giết người, cố nhiên phán xử tử. Nhưng với vụ án này can phạm là những người nghèo, thất nghiệp, bần cùng sinh đạo tặc, chúng ta hiểu được. Nạn nhân bị chết là do trời tối, hoảng loạn chốn chạy vì dẫm đạp mà chết, không có dụng ý, có thể tha thứ.

Nào ngờ Tuần vũ vỗ án hét :

-Cường đạo cho ông bao nhiêu tiền mà ông hoa ngôn xảo ngữ ? Nếu không khai thiệt, ta sẽ sai lính đánh ông.

-Nếu nói vì tiền mà cãi cho đạo tặc thì tôi không dám. Không kể vụ án lớn như thế này, nhưng cả những vụ án nhỏ tôi cũng không dám tán tận lương tâm mà làm.

-Nếu ông không nhận tiền của cường đạo, sao lại biện hộ cho chúng ?

Với câu hỏi này ông ngập ngừng không đáp. Tuần vũ lại gặng hỏi. Ông trả lời :

-Không có nguyên nhân nào khác, chỉ là công môn là nơi tu hành.

Tuần vũ nghe xong, bảo ông lại gần, xem kỹ thấy ông là một người hiền lành, từ ái không phải là một tham quan. Bèn hết giận và hỏi :

-Ông có mấy đứa con ? làm gì ?

-Tôi có 4 đứa con, đứa lớn thi trúng thượng khoa, 3 đứa sau đều là học sinh ở huyện.

-Công môn quả là nơi tu hành. Tôi quyết định y theo phán quyết của ông. Ông bảo toàn được bao nhiêu mạng người, đó là điềm báo trước con ông sẽ đậu Tiến sĩ.

Năm sau, con trưởng của ông quả nhiên đậu Tiến sĩ, 3 đứa con còn lại cũng làm quan.

Thủ tài tự toạ hoa chí quả dịch ngữ cải tác.

6-Vương Chí Nhân.

Vương Chí Nhân là thương gia giầu có ở tỉnh An Huy, nhưng không có con cái. Năm nay đã 40 tuổi, phong tục có câu "*bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại*", làm sao ông không lo lắng cho được. Người đương thời muốn cầu xin gì thì thường tìm thầy xem tướng, Vương Chí Nhân cũng không ngoại lệ. Bèn đến Bảo Liễu trang xem tướng xem có con không , và năm nào thì có. Thầy tướng sau khi xem tướng mặt và chỉ tay một lúc rồi nói :

-Tướng ông cô độc, không con cái, không có hy vọng gì, hơn nữa hai mắt có hắc khí, trong tháng sẽ có đại tai họa khó bảo tồn tánh mạng.

Vương Chí Nhân rất tin thầy bói, nghe xong mặt ông trắng bệch, xuất mồ hôi, nghĩ mạng mình đã hết, mau mau trở về nhà trọ, thất hồn thất phách, thu xếp hành lý trở về nhà. Trên đường về nhà ông trú ở nhà trọ. Lúc đó trời mưa như chút nước, gió gào thét, mưa mỗi lúc một lớn, xối xả xuống mái nhà. Sau 2 giờ thì mưa tạnh, ông vì buồn bã trong lòng, không ngủ được, thấy trăng sáng chiếu soi, ông lững thững ra ngoài tản bộ. Đi tới bờ sông ông thấy một thiếu phụ ôm con nhẩy xuống sông, định nhẩy xuống cứu hộ, nhưng nghĩ rằng mình không biết bơi. Nhưng ngẩng đầu lên thấy vài chiếc thuyền đánh cá ở gần đó, ông bèn kêu cứu 1, 2 tiếng mà chẳng thấy động tĩnh gì. Ông bèn rút ra 20 lạng ra hứa sẽ tặng cho người nào cứu được nạn nhân. Các thuyền đánh cá vội tới cứu và đưa được thiếu phụ và con lên bờ. Ông hỏi bà tại sao lại lại ôm con nhẩy sông ? Bà khóc trả lời :

-Chồng tôi hàng ngày ra ngoài kiếm sống, nhà có nuôi một con heo, dự định bán đi để dựng nhà mới. Hôm qua, tôi mới bán heo, khi người mua đi rồi

tôi mới phát hiện bị bạc giả. Chồng tôi tánh tình thô bạo, nếu biết sự thật nhất định sẽ đánh tôi. Nhà tôi nghèo nàn chẳng có gì cả, cho nên tôi ôm con nhẩy sông tìm cái chết.

Vương Chí Nhân nghe rồi động lòng trắc ẩn, hỏi giá con heo là bao nhiêu và đưa cho bà ta bạc thật. Bà ta hoan hỉ gập được người từ bi, đa tạ và chúc phúc, hỏi rõ tên tuổi và địa chỉ rồi bế con về nhà. Khi về đến nhà, chồng đã về, bà bèn kể lại cho chồng nghe. Chồng bà nghe xong rất cảm động, bèn theo bà đến nhà trọ để cám ơn. Đêm đã khuya Vương Chí Nhân vừa nhắm mắt ngủ, thiếu phụ gõ cửa quán trọ miệng hô :

-Vương tiên sinh !

-Bà là thiếu phụ, tôi là cô khách sao có thể tam canh, bán dạ (nửa đêm) gập nhau được, bà mau về đi.

Người chồng ở bên bèn nói :

-Hai vợ chồng chúng tôi đều tới để nói lời cảm tạ.

Vương Chí Nhân nghe tiếng người chồng bèn hết hồ nghi trở dậy ra mở cửa. Bỗng đánh đùng một tiếng, cả 3 người đều hoảng sợ, ngoảnh đầu nhìn thì thấy trần nhà và tường đổ ụp xuống ngay giường mà Vương Chí Nhân vừa rời khỏi, cái giường tan nát.

-Nguy hiểm quá ! Nếu vợ chồng hai người không đến gọi thì tôi đã chết rồi.

Hai vợ chồng đồng thanh :

-Ông trời có mắt, tiên sinh là người tốt sao gập nạn được.

3 người nói chuyện một lát rồi ly biệt. Vương Chí Nhân về nhà, nghỉ vài tháng vô sự, lại nghĩ đến lời đoán của thầy tướng không linh nghiệm, bèn tìm đến để chất vấn. Ông thầy tướng xem kỹ lại rồi bảo :

-A ! Sao khí sắc của ông hoàn toàn biến đổi hẳn. Hẳn là đã cứu mạng nhiều người, ông sẽ có nhiều con và sống rất thọ.

Quả nhiên về sau ông có 10 người con, sống tới 96 tuổi không bệnh mà mất.

Thủ tài tự toạ hoa chí quả dịch ngữ cải tác.

7-Ưng Đại Du.

Ưng Đại Du, một người đọc sách ở Triết Giang, rất thích sự thanh tĩnh ở Mộ Sơn. Trùng hợp ngẫu nhiên ở nơi đó có một ngôi nhà rất đẹp, nhưng ông chủ nhà thấy quỷ thường quấy phá, nên không dám ở, cho ông ở. Như tục ngữ nói "Tâm chánh" không sợ quỷ. Tâm ông chân chánh nên không sợ gì cả. Ngay đêm đầu tiên, khi đang đọc sách thì ông nghe tiếng quỷ la hét. Giá như là kẻ khác thì đã sợ toát mồ hôi, và lông tóc dựng đứng, nhưng ông vẫn thản nhiên đọc sách. Về sau ông quen nghe tiếng quỷ húy mà còn nghe được quỷ nói chuyện với nhau nữa. Một hôm ông nghe một con quỷ nói :

-Trong thôn nọ có một thiếu phụ, chồng đi làm xa đã lâu không về, lại chả có tin tức gì cả. Bố mẹ chồng không hy vọng gì con sẽ trở về, liền ép con dâu cải giá. Nhưng nàng thiếu phụ này rất có khí tiết, thà chết không chịu cải giá. Vì bố mẹ chồng bức bách quá, thiếu phụ định thắt cổ mà chết. Tôi sẽ có người thế.

Nghe được bí mật này, Ưng Đại Du rất đồng tình với thiếu phụ đó, đem lòng trắc ẩn, nghĩ cách cứu bà. Ông bèn trở về nhà bán đi mấy mẫu ruộng, rồi viết thư giả người chồng gửi về cho vợ, cho người mang thư giả và tiền đến. Dĩ nhiên là cả gia đình vui vẻ tiếp nhận. Nhìn kỹ chữ viết thì không phải là của người chồng, nhưng tiền thì là thật, tất nhiên bố mẹ chồng bỏ ý định bắt con dâu cải giá. Về sau người chồng từ xa trở về, hòa hợp như cũ. Vài ngày sau Ưng Đại Du lại nghe quỷ nói chuyện :

-Đáng lẽ tôi tìm được người thế thân, nhưng vì vô tình tiết lộ bí mật bị gã đọc sách nghe được nên phá hỏng công chuyện.

-Nếu đã vậy sao ông không hại hắn ta ?

-Người này từ bi, cứu mạng thiếu phụ, tạo âm đức tương lai báo ứng làm đến thượng thư, tôi làm sao hại được đây ?

Quả nhiên về sau Ưng Đại Du thi đậu tiến sĩ, làm quan tới bậc thượng thư, con cháu đỗ đạt rất nhiều.

Thủ tài tự đức dục cổ giám cấp Liễu Phàm tứ huấn nhị thư dịch ngữ cải tác.

8- Vương Tích.

Vương Tích là người giữ cửa ở cửa huyện tỉnh Giang Tô. Ông theo hầu Đường Nguyên Tố tiên sinh nhiều năm. Năm ông 50 tuổi bị bệnh nặng, toàn thân lạnh buốt, ô hô ai tai. Trong lúc mọi người than khóc, bỗng nhiên Vương Tích A một tiếng từ quan tài nhẩy ra, khiến mọi người vui mừng. Sau khi sống lại ông kể :

-Tôi thấy có 2 sai nha đến bảo tôi Nha phủ gọi. Tôi tưởng Đường Nguyên Tố cho gọi. Tôi bèn theo 2 người bọn họ qua cửa phủ về hướng Tây đến miếu thành hoàng. Trước miếu có một cây Bạch quả rất lớn, cho bóng râm tứ phía. Bỗng nghe trong điện có tiếng gọi tên tôi, sai nha kêu tôi quỳ dưới điện. Một vị quan nói thọ mạng của tôi đã hết, nhưng 20 năm trước cứu 2 mạng người nên được tăng một kỷ (12 năm). Thành hoàng nói : Vậy cho hắn hồi dương. Sai nha dẫn tôi ra ngoài. Tôi mê man lạc đường bỗng nhiên một người đánh xe tới kêu : Lên mau ! Tôi thất kinh mở mắt ra thì thấy đang nằm trong quan tài.

Ông cứu 2 mạng người như thế nào ? Sau đây là lời tự thuật của Vương Tích :

-Khi giặc phỉ tới Giang Tô, tôi chạy ra ngoài thành, thấy một bà già cùng một bé gái đứng khóc bên đường. Theo bà kể thì bà là nhũ mẫu của cô bé, cô là con gái của quan huyện bị giết. Bà dẫn cô bé chạy trốn, nhưng không biết về đâu ? Tôi thấy họ đáng thương bèn dẫn về nhà. Về sau nghe danh một quan chức là bạn của quan huyện, bèn dẫn họ đến để được nuôi dưỡng, khiến họ có sinh lộ.

Thủ tài tự Ngu Đạc bút ký dịch ngữ cải tác.

9- Viên Ngọ Quỳ.

Viên Ngọ Quỳ, người đời Thanh là người Hàng Châu, Chiết Giang. Thấy y dược đương thời không phát đạt, những người bị bệnh nặng chỉ đành khoanh tay chờ chết. Những phương thuốc hay chỉ chữa được thân bệnh, chẳng cứu được tâm bệnh. Do đó, ông ấn hành nhiều sách hay về nhân quả.

Buổi Thanh sơ loạn lạc, ông tốn nhiều tiền bạc cứu trợ. Có bà cụ 60 tuổi không nơi nương tựa, ông rước về nuôi dưỡng. Vài năm sau, ông chồng bà cụ cũng không có chỗ ở, ông cũng rước về nuôi luôn. Ông cung phụng 2 vợ chồng này như cha mẹ. Họ sống năm 80 tuổi mới mất.

Một đứa tớ gái đổ tro vào thùng gỗ chẳng ngờ lửa còn âm ỉ bùng cháy, không ai biết. Con gái của Viên Ngọ Quỳ bị bệnh nằm ở phòng bên cạnh cũng không biết. Tiểu thư bỗng thấy bà già đã mất hiện hình ra trỏ tay vào người nàng. Tiểu thư hoảng sợ kêu lên. Người nhà vội trèo lên gác thì thấy thùng gỗ bốc cháy thiêu rụi cả giường. Họ bèn dập tắt và cứu tiểu thư. Bà già tuy đã mất, vì đền ơn, đã bảo hộ người nhà Viên Ngọ Quỳ.

Thủ tài tự âm chất văn quảng nghĩa.

10- Ông Kim.

Đời Thanh năm Gia Tĩnh, ở Giang Tô có một ông họ Kim, là một ông chủ tiệm, tánh tình trung thực, công bình, đối với những người nghèo không tiền trả, thường không lấy tiền.

Có một cặp vợ chồng nông dân vì bệnh phải bán áo bông để lấy tiền mua thuốc, không có áo rét mà mặc, ông tặng áo bông cho cặp vợ chồng ấy. Vì không kiếm lợi ở người nghèo, nên cứu được rất nhiều người. Hàng họ của ông không những không giảm sút mà càng ngày càng phong phú. Cho thấy giầu có không phải vì lợi tức bất nhân mà tới, mà là do thiện lương và tín nhiệm.

Một năm nọ, trong trấn có nạn đạo tặc. Nhiều nhà phú hộ bị cướp chỉ trừ nhà ông Kim là không. Do đó nhà đương cục nghi ông có quan hệ với bọn đạo tặc. Về sau cường đạo bị bắt, trải qua nhiều lần tra hỏi, bọn cường đạo đều khai không dính dáng gì đến ông Kim. Sau nhiều tra xét các điều tra viên đều nhận rằng ông Kim xác thực là một người tốt, đã cứu nhiều người. Theo lời khai của một kẻ trộm thì bọn cướp đã nhiều lần muốn đánh cướp tiệm của ông Kim, nhưng thấy có nhiều thần mặc áo giáp bảo hộ nên không dám. Vì vậy

nhà chức trách đương thời tặng ông biển khen, khích lệ ông hành thiện, tích đức.

Thử tài tự cảm ứng thiện chú chứng.

11- Dương Vinh.

Dương Vinh, người huyện Kiến Ninh, tỉnh Phúc Kiến vào triều Thanh. Lúc đó người đọc sách rất được coi trọng. Tổ tiên ông là người đánh cá. Lúc đó có nạn hồng thủy, nhiều nhà bị ngập lụt, không ở được, đồ đạc bị cuốn trôi đi, người thì bị nhấn chìm. Tổ tiên ông chỉ lo cứu người không màng việc khác. Nhưng những người được cứu trong tay chẳng có một xu, chì cảm tạ xuông, thành ra tổ tiên ông vẫn nghèo như cũ. Trong khi những người đánh cá khác chỉ lo lượm lặt những tài vật trôi nổi trên sông mà trở thành giầu có. Đến đời bố của Dương Vinh, một hôm có một vị đạo sĩ nói với ông :

-Tổ phụ và ông thân của ông tích nhiều âm đức, con cháu phải được hiển hách. Hãy cải táng tổ phụ và phụ thân ông ở chỗ mà tôi chỉ.

Nhà họ Dương nghe lời, về sau Dương Vinh sinh ra đời, thông minh từ nhỏ, 20 tuổi đỗ đạt, làm quan đến bậc Tam công. Nhà vua tặng quan vị cho cả bố ông và ông nội. Con cháu ông đều vinh hiển. Người đời chỉ mê tín phong thủy, không biết rằng người làm việc thiện, tự nhiên được chôn chỗ tốt.

Thủ tài tự ý hành lục.

12- Vương Văn Giản.

Đời Thanh, Vương Văn Giản người Ngô Hưng, tỉnh Chiết Giang, con Mỗ ông là nhà giầu có. Kết hôn năm 20 tuổi, trải 10 năm sinh được 9 đứa con dại khờ. Như tục ngữ nói "Dù là khờ dại, nhưng cũng là con mình". Hai vợ chồng đối với những đứa con này hết lòng, hết dạ yêu thương. Vào năm Càn Long, phát sinh tai nạn, dân chúng chết đói rất nhiều. Vương Văn Giản bán cả gia sản cứu được rất nhiều người. Mọi người cảm tạ Vương ông đại từ, đại bi như một vị Bồ tát. Trong 6 độ vạn hạnh thì bố thí là bậc nhất. Vương ông là tín đồ Phật giáo, rất tin tưởng vào Phật Quán Thế Âm nên cứ thế mà phụng hành.

Nào ngờ chuyện xẩy ra ngoài ý muốn. Con cả Vương ông bị nhiễm bệnh mà chết. Vài năm sau 9 đứa con đều chết cả. Cứu được bao nhiêu người mà con mình thì bị chết, Quán Thế Âm có linh cảm không chứ ? Vợ chồng Vương ông đau khổ cùng cực. Nhưng họ là tín đồ kiên cường, đây là một bài học khảo nghiệm lớn, lòng tin tưởng vào Phật Quán Thế Âm không gì làm thay đổi. Họ vẫn ngày ngày lễ bái trước tượng Quán Thế Âm, lại còn viết sớ rất bi thương.

Đêm đó Vương ông nằm mộng thấy Quán Thế Âm mặc áo trắng bảo ông rằng :

-Chín đứa con của ông đều là ma, quỷ cả. Vì tổ tiên ông làm ác, nên 9 đứa này đến phá hoại gia cang nhà ông. Vì ông cứu được nhiều người, âm đức rất lớn, nên trời gọi 9 đưa nó về. Không lâu sẽ có Vũ Khúc tinh giáng sinh ở nhà ông, đừng buồn nữa, tiền đồ ông rất sáng lạn.

Ông tỉnh dậy đem chuyện nằm mộng kể cho vợ nghe, bà vợ nghe rồi kinh ngạc bảo :

-A ! Tôi cũng đã nằm mộng thấy như thế !

Từ đó 2 vợ chồng đổi buồn thành vui, tiếp tục làm thiện, cứu nguy thành an, cứu tế những người cô quả. Không lâu sau đó 1, 2 năm bà vợ mang thai, sinh được 5 đứa con đều thông minh, đọc sách một lần liền nhớ. Con ông thi trúng trạng nguyên, cháu chắt rất thành đạt.

Thủ tài tự tọa hoa chí quả.

12- Tào Bân.

Tào Bân là một vị đại tướng dưới triều nhà Tống, giúp cho Tống thái tổ bình định thiên hạ. Ông đã góp nhiều công hãn mã. Một hôm ông gặp Trần Hi Dy, một nhà tướng số nổi danh. Sau khi xem tướng cho ông, Trần Hi Dy nói :

-Ấm đường rộng rãi, mục quang phát sáng sớm được phú quý, nhưng cằm ông bị chẻ, miệng xệ xuống, không được hưởng phước lúc về già. Khi xuất quân, ông nên để một mặt cho địch chạy, cứu vãn một ít phước.

Tào Bân nghe rồi cho đó là dĩ nhiên. Khi đánh Thục, bộ hạ tướng sĩ đều chủ trương giết chóc cả thành. Tào Bân ra nghiêm lệnh cấm chém giết bừa bãi, và xâm phạm đàn bà, con gái. Sau khi chiếm thành xong, các đàn bà có gia đình được trả về nhà, những người không có gia đình để trả về thì ông tìm người để gả. Do đó mọi người đều cảm tạ ân nghĩa của ông. Khi đánh Giang Nam, ông giả bệnh không chịu nhậm chức. Đồng liêu đến hỏi thăm, ông bảo :

-Bệnh của tôi, không thuốc nào có thể trị được, trừ phi các ông thành tâm, thành ý thề không giết bậy thì bệnh tôi mới khỏi.

Các binh sĩ nghe lời đốt hương mà thề. Không ngờ lời nói của Tào Bân đến tai người dân Giang Nam, ngày tiến công, dân chúng đón tiếp, không cần phải dùng võ lực, bảo tồn sinh mạng của ngàn vạn người. Sau khi thắng lợi, ông gặp lại Trần Hi Dy, ông này nói :

-Lần trước xem bói cho ông, tôi nói ông không có hậu phước, nay tướng đã thay đổi hẳn. Không những ông có hậu phước, mà còn tăng tuổi thọ nữa.

Những lời dự ngôn của Trần Hi Dy đều trở thành sự thực. Tào Bân sống tới 69 tuổi mới mất, được truy tặng Tế Dương quận vương. 3 con trai đầu của ông đều là danh tướng cũng được phong vương.

Thủ tài tự lịch sử cảm ứng thống ký Đức dục cổ giám tướng pháp bí truyền.

13- Dương Tư Trừng.

Dương Tư Trừng, người huyện Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang, giữ chức giám ngục; ông là người nhân từ, trung hậu, làm việc tuân theo luật pháp. Trông coi tù nhân rất công bình và độ lượng. Nhưng quan huyện đương thời rất nghiêm khắc, thường quát mắng và đánh đập tội nhân. Thời cổ, hành chính và tư pháp không phân biệt.

Có một ngày, có tội phạm, quan huyện nhận rằng phạm trọng tội, nên sai cảnh vệ đánh đập tội nhân đến chẩy máu. Phạm nhân không phục khiến quan huyện nổi trận lôi đình càng sai đập thêm. Ông giám ngục thấy bất nhẫn bèn quỳ xuống xin quan huyện :

-Ai oán làm cho mất vui, đã không vui sao lại nổi giận ?

-Thấy kẻ ác sao lại không giận ? Nhưng ta cảm động sự chân thành của ông nên tha đánh.

Nhà Dương Tư Trùng rất nghèo, nhưng ông không hề nhận một khoản tiền nào của phạm nhân, dĩ nhiên không bị tiền tài làm tham ô, mà khi phạm nhân thiếu lương thực, ông còn ra tay cứu tế.

Có một ngày, có vài tù nhân mới được giải bằng thuyền tới đã phải chịu nhịn ăn một ngày, còn chưa nhập sổ bộ. Giám ngục cũng không có cách nào cho họ ăn. Dương Tư Trừng chính mắt thấy họ đói lả đến xanh cả mặt, rất đáng thương, ông bèn nghĩ cách. Nhưng nhà nghèo không dư gạo, phải làm sao đây? Ông về nhà bàn với vợ, bà vợ nghe rồi đồng tình đem cơm 2 vợ chồng ăn nấu thành cháo rồi cùng ăn với đám tù nhân khiến họ được bảo toàn tính mạng, không thành quỷ đói. Về sau con cháu đều hiển hách. Hai con làm Đô Trấn rồi Thị Lang, cháu làm đến Tứ Xuyên Tuần sát xứ, đều là danh thần một thời.

Thủ tài tự đức dục cổ giám.

14- Đậu Ngu Quân.

Những người đã đọc Tam Tự Kinh chắc không lạ gì 4 câu sau : Đậu Yến Sơn, hữu nghi phương, giáo ngũ tử, danh cầu dương. Nay , kể sự tích cho mọi người :

Đậu Ngu Quân thuộc triều nhà Tấn đời Ngũ Đại, ở U Châu. Vì U Châu thuộc Yến nên gọi là Đậu Yến Sơn. Từ nhỏ ông đã mất cha, do mẹ nuôi lớn. Ông rất có hiếu, không dám trái lời mẹ. Lúc đó, kết hôn vào khoảng 20, đến năm 30 thì phải có con, Đậu Yến Sơn hơn 30 tuổi mà chưa có đứa con nào. Đang lúc lo lắng thì một hôm ông mộng thấy tổ phụ bảo ông rằng :

-Ngu Quân, những kiếp trước cháu làm ác nghiệp rất nặng nên không thể có con và sẽ chết yểu. Hy vọng cháu sớm quay đầu hướng thiện, nỗ lực cứu người, có thể thay đổi số mạng.

Khi tỉnh dậy, ông khắc ghi những lời tổ phụ dặn, từ đó việc ác không làm, chỉ làm những việc thiện. Đậu Yến Sơn có một người đầy tớ, trộm của Đậu Yến Sơn 2 vạn bạc, sợ chủ nhân phát giác, viết một lá thư dán lên con gái của mình, trong đó có câu :

-Bán đứa con gái này để trả nợ.

Người đầy tớ trốn đi xa. Ngu Quân đốt tờ giấy nợ, nuôi dưỡng đứa con gái lớn khôn, rồi gả chồng tử tế cho nó. Một năm kia, Ngu Quân nhân ngày Tết Nguyên Đán đến chùa Diên Khánh lễ Phật, nhặt được 200 lạng bạc, 30 lạng vàng chắc là của người đến lễ Phật đánh mất. Ông chờ đến nửa ngày, ông gặp một người vừa đi vừa khóc. Ngu Quân hỏi tại sao thì người đó nói :

-Tôi mượn bạn bè khắp nơi rất khó khăn được 200 lạng bạc, 20 lạng vàng để chuộc tội cho cha tôi, nào ngờ túi tiền bị mất, cha tôi chắc là chết mất. Tôi vừa lễ Phật ở đây, không biết có đánh mất ở đây không ?

Ngu quân biết người đó chính là người đánh mất tiền, bèn trả lại tiền còn tặng thêm tiền lộ phí. Người ấy cảm ơn rồi đi.

Đậu tiên sinh làm việc thiện rất nhiều. Bạn bè chết, gia đình không có tiền mua quan tài, ông cấp tiền tống tang. Nhà nghèo không tiền làm đám cưới, ông giúp đỡ tiền bạc, không có tiền làm vốn, ông giúp cho vốn. Ông lại lập một thư viện, có hàng nghìn loại sách, rộng 40 gian, cung cấp tài liệu cho các thầy và tài liệu học tập cho các học sinh. Một đêm kia ông lại mộng thấy tổ phụ bảo ông :

-Trong mấy năm qua, cháu đã làm nhiều việc tốt, âm đức rất lớn, ông trời tăng tuổi thọ cho cháu 3 giáp (36 năm), lại tặng cho cháu 5 quý tử tương lai hiển hách.

Từ đó về sau, Đậu tiên sinh cố gắng tu thân, tích đức. Về sau quả nhiên sinh được 5 con trai thông minh, hiếu thuận, đều thi đậu tiến sĩ. Con cả làm đến Thượng thư, đứa thứ là Hàn lâm học sĩ, đứa thứ ba là Tả bổ khuyết lại có 8 đứa cháu đều quý hiển. Ông thọ 82 tuổi, lúc sắp mất, biết thời đã đến, thay quần áo, từ biệt bạn bè rồi đi.

Thủ tài tự lịch sử cảm ứng thống ký.

15- Sái Tiểu Hà.

Sái Tiểu Hà khi làm Bố Chánh tỉnh Hiệp Tân đã cứu một quan huyện thuộc cấp. Vị quan huyện này thối hưu vì già nua, bệnh hoạn. Xét sổ sách thì quan huyện này thiếu công khố 3 ngàn lượng, một số lượng rất lớn. Lúc đó, luật pháp rất nghiêm khắc, nếu thiếu công khố sẽ bị tịch thu gia sản, bắt giam để tra xét, nếu không trả được thì sẽ bị tử hình. Khi gặp quan huyện ông bảo :

-Tôi biết ông làm quan liêm khiết, không phải là loại quan tham ô, không phép trả được sự sai biệt của công khố, ông hãy giao nộp những công văn giải trừ công khố cho tôi. Tôi sẽ xem xét cẩn thận. Tôi không nói đùa vì biết ông liêm minh công chính, vì công vụ mà bị liên lụy. Đây là thủ tục phải làm để miễn tội cho ông.

Quan huyện mừng vui ngoài tưởng tượng, ngày hôm sau trình lên các văn kiện giải trừ ngân khố. Vụ án được kết thúc. Về sau, quan huyện mặc y phục chỉnh tề đến bái tạ ông, nói :

-Tôi nay già, sau khi tôi chết, nguyện sẽ làm con ngài để báo đáp.

Nói rồi từ giã về quê. Thời gian trôi nhanh như nước chẩy, hơn 10 năm có dư, Sái công nghỉ hưu về làng. Một hôm ngủ trưa mộng thấy một vị quan huyện đến bái tạ, làm ông nhớ đến quan huyện ở Hiệp Tây, nhưng ông này đã về hưu trừ phi là ông ta đã chết. Làm sao ông tới được đây ? Bỗng nhiên quan huyện chạy tới phòng ngủ của vợ ông. Ông hoảng sợ mà tỉnh dậy. Được một lúc thì tớ gái đến báo tin vui, vợ ông đã sinh quý tử. Ông nói :

-Quan huyện ấy đã đến rồi, tương lai sẽ chấn hưng gia đình, bèn đặt tên là Chấn Võ.

Về sau Chấn Võ rất thông minh, thi đậu tiến sĩ, làm quan tư pháp rất nổi danh.

Thủ tài tự tọa Hoa chí quả.

16- Vợ chồng họ Vương.

Năm 1950 vợ chồng họ Vương từ Kim Môn rời đến Đài Loan. Nơi họ ở Kim Môn trên đường thấy một đứa trẻ chừng 3 tuổi, lạc đường, đứng khóc ở

bên lề đường. Nơi đó vắng vẻ, ít người qua lại. Hai người đứng đó một lúc nhưng không thấy cha mẹ đứa nhỏ tới, cảm thấy đáng thương, nẩy lòng từ bi bèn mang đứa nhỏ về nhà. Đồng thời đăng lên nhiều báo, hy vọng cha mẹ đứa nhỏ đến nhận con về. Đợi vài hôm chẳng thấy ai đến cả. Hai vợ chồng bèn nhận đứa nhỏ làm con nuôi, coi như con đẻ. Khi tới Đài Loan cũng dẫn nó đi theo. Một nhà 3 người sinh hoạt vui vẻ. Một đêm kia vào năm 1951, chuyện lạ phát sinh. Ông Vương đột nhiên thức giấc, đối ánh đèn vàng mờ nhạt phát ngốc, bà vợ cũng thức giấc hỏi :

-Mình sao không ngủ đi ?

-Tôi vừa nằm mộng thấy một viên sĩ quan đến nhà nói ông bị chết ở Hạ Môn, con ông lưu lạc ở Kim Môn, được chúng ta nuôi dưỡng, ông đến để cảm tạ. Nhưng ông chẳng có gì để đền ơn. Ông có gửi một người bạn ở Sơn Trung Bắc lộ , ngõ 10, số nhà 20 một cái rương có 4 bộ quần áo, 1 tờ Mỹ kim 100, ngân nguyên 30 đồng. Đây là lễ vật đạm bạc, nhưng là lòng thành. Ông cứ nói người bạn đó sẽ trao.

Ông chưa nói hết, bà vợ đã kêu :

-Lạ quá ! Thật lạ quá !

-Sao lạ ?

-Tôi cũng nằm mộng y như thế !

Hai vợ chồng người nọ nhìn người kia, đều thấy lạ lùng. Sáng sớm hôm sau ông Vương tìm đến nhà người bạn là ông Phùng kể truyện nằm mộng và hỏi có cùng đi với ông đến địa chỉ trên hay không ? Nào ngờ ông Phùng nói :

-Tôi cũng nằm mộng thấy thế, thế giới này có chuyện lạ lùng như vậy sao ? Tôi cũng nằm mộng thấy viên sĩ quan họ Dương.

Sáng sớm, bà Vương đã đi xe lam tới địa chỉ trên và gọi chồng tới. Hai người chưa nói hết lời, ông chủ nhà là Lý Chi Hóa nói :

A ! Các người đến là tốt rồi, hằng đêm tôi đều mộng thấy bạn tôi nói có 2 vợ chồng họ Vương đến nhận cái rương mà bạn tôi gửi năm 1949, Chúng tôi có liên lạc 2, 3 lần bây giờ tôi cũng không biết anh ta ở đâu nữa.

Nói rồi ông mang cái rương bạn ông gửi mở ra : bên trong quả có 4 bộ quần áo, 1 tờ Mỹ Kim 100 đồng, và 1 tờ ngân bạc 30 đồng.

Cư sĩ Đồng An kể.

16- Mã Tổ.

Năm Tống Thái tổ Kiến Long ngày 25, tháng 3 Mã Tổ sinh ra, ở Bồ Điền, tỉnh Phúc Kiến, trong nhà Lâm Duy Khác , Vương thị là vợ của Khác, mộng thấy Quán Thế Âm đưa cho một viên thuốc, bà uống rồi thụ thai. Khi sinh bà đỡ bảo ông :

-Lão bang, chúc mừng ông, bà nhà đã sinh một cô tiểu thư vừa trắng trẻo vừa bụ bẫm, điểm đặc biệt là không khóc. Cô này nhất định là mạng quý. Vừa sinh ra là cô đã mở mắt, khác với trẻ khác là cô không khóc, dù tôi phát vào mông cô mấy lần. Nhất định khi lớn lên sẽ là người có phúc.

-Nó không khóc ư ? Vậy đặt tên nó là Mặc Nương.

Từ đó cô có tên là Mặc Nương, vì trên cô còn có 5 người chị nên người nhà còn gọi cô là cô sáu.

Thời gian thấm thoát trôi, chớp mắt một cái cô đã là cô bé 8 tuổi.Cô rất hiểu chuyện, từ sáng tới chiều cô không để mẹ phải đụng tay. Thắp hương rồi cùng mẹ lễ Phật, tụng kinh. Mẹ cô khen :

-Mặc Nương là con bé mới 8 tuổi, nhưng so với chị nó 10 tuổi còn hiểu chuyện hơn.

Trong nhà Lâm Duy Khác có nuôi một con vẹt. Một hôm cô đến gần lồng chim gập lúc chim đang ăn, Con chim nhỏ bé, xinh đẹp, có thể múa, hót. Cô tưởng đến một người tù, trong lòng không nhịn nổi, bèn tự nhủ :

-Con vẹt nhỏ bé này có trí tuệ, hiểu ý người, người không muốn bị giam, sao chim lại muốn bị giam ?

Cô nhìn chị rồi nói :

-Chị đừng ngăn em thả nó nhé !

-Cô sáu đừng làm vậy, bố không cho đâu !

Nhưng cô đã mở cửa lồng khiến con vẹt bay tự do, tự tại. Khi bố cô hay chuyện, nổi giận, cô từ tốn thưa :

-Bố ! Xin bố khoan thứ, con vẹt là do con thả ra.

-Là con, một đứa trẻ 8 tuổi.

-Con nghĩ con vẹt cũng giống như người, đều thích tự do.

-Chim là chim, người là người, chim và người không làm sao so sánh. Ta nhốt con chim vào lồng cho ăn, cho uống. Có gì là sai chớ ?

-Bố ! Con giam bố vào phòng cho bố ăn, uống, bố có nguyện ý không ?

Ông bố không lời nào đáp lại, chỉ bảo :

-Nha đầu, chuyện này ta không đánh con, nhưng ta dạy con Chương Lễ Ký, nếu đọc sai một chữ sẽ khẻ tay 10 lần.

Cô đọc không sai một chữ, cha cô hết giận, cười vui. Năm cô 14 tuổi, cô cùng 5 chị ra ngoài chơi. Gập một người ăn mày quần áo rách rưới, hôi hám. Lão ăn mày nhìn Mặc Nương nói :

-Cô là người làm việc thiện, hãy cho tôi một ít tiền, mẹ tôi bị bệnh gần chết.

-Ông cần bao nhiêu ?

-Càng nhiều càng tốt.

Cô đưa hết tiền mình có cho lão ăn mày.

-Đã đủ chưa ?

-Chưa đủ, mẹ tôi bị bệnh nặng cần rất nhiều tiền.

Chị dâu đứng cạnh lão ăn mày nói :

-Cô sáu, gả ăn mày này là một tên lừa bịp, cô đừng để bị lừa. Nếu mẹ biết chuyện này sẽ đánh cô đấy. Mau đòi lại tiền đi.

-Thấy người bị bệnh mà không cứu thì thật là nhẫn tâm !

Cô sờ lên tai, không đeo gì cả, cô hướng chị năm :

-Chị năm chị cho em đôi vòng đeo tai đi !

-Nói bậy không.

-Chị cho em đi, về nhà nhất định em sẽ tìm cách trả gấp đôi.

Chị năm động tâm, tháo vòng trao cho Mặc Nương. Cô trao cho lão ăn mày :

-Có đủ để chữa bệnh cho mẹ ông không ?

-Cô là một đứa trẻ rất tốt ! Số tiền gần đủ.

Ông chống gậy đi một khoảng rồi biến mất. Đây là Phật hiện thân thử thách tâm từ của Mặc Nương.

Trai lớn cưới vợ, gái lớn gả chồng, đây là tục lệ của người đời. Mặc Nương đã trở thành một cô gái xinh đẹp. Con trai của Vương viên ngoại, anh tuấn, hiếu học, thơ, văn xuất sắc. Nếu hai người kết hợp thì thành một đôi trai tài gái sắc, môn đăng hộ đối. họ Vương sai người đến kết thân. Vợ chồng Lâm Duy Khác gọi Mặc Nương vào bảo :

-Con ơi ! Con đã lớn rồi, phải lập gia đình, cho cha mẹ giúp con hoàn thành chung thân đại sự để tròn trách nhiệm làm cha mẹ. Con Vương viên ngoại là một thanh niên tốt, tương lai sẽ là một vị quan. Họ Vương thành tâm đến cầu hôn, ý con thế nào ?

-Con không nguyện ý, con không muốn lấy chồng.

-Này con, một đứa con gái không lấy chồng là đạo lý gì ?

Mặc Nương không đáp, chỉ phục người xuống mà khóc. Vợ chồng họ Lâm không có cách nào, để Mặc Nương độc thân, không chồng.

Một năm kia, huyện Bồ Điền phát sinh một trận ôn dịch, người nhiễm bệnh bị chết rất nhiều. Mỗi ngày chết hơn 10 người. Mẹ của Mặc Nương cũng bị nhiễm dịch năm đó mà mất. Lúc đó chưa có thuốc để trị. Do đó có bà đồng xuất hiện, lừa bịp nhân dân, đứng tại miếu Thành Hoàng kêu lớn :

-Ai muốn ngừa ôn dịch hãy uống nước thánh của tôi.

Mặc Nương bước lên trước coi cái gì gọi là nước thánh. Nguyên lai là một thùng ước ô uế. Cô chỉ bà đồng nói :

-Đồ điên ! Bà nói nước thánh này có thể trị bệnh, trước tiên bà hãy uống một ngụm coi, bà đồng dối người hãy đi cho khuất.

Bà đồng hoảng sợ vội chạy mất. Mặc Nương bảo mọi người :

-Người trong huyện đều ăn, uống nước giếng này, nó bị ô uế sao lại không sinh ra ôn dịch ? Tôi đề nghị mọi người múc nước ô uế đi, khi nước giếng trở lại trong sạch thì sẽ hết ôn dịch.

Nhưng chẳng ai nghe lời. Mặc Nương bảo :

-Chẳng ai chịu xuống giếng thì để tôi.

Lại kêu tớ gái Tô San :

-Mày lại giữ guồng để tao xuống.

Cô năm chạy lại ngăn trở :

-Cô sáu, cô không được xuống, nước giếng rất hôi.

Đứa tớ gái cũng khuyên :

-Cô nương không nên xuống, nhỡ có chuyện gì thì phải làm sao đây ?

-Các người đừng cản tôi, sao lại không cứu nhiều người khỏi ôn dịch chứ ?

Cô leo vào thùng múc nước, Tô San nắm cần trục hạ cô xuống, một lúc sau Mặc Nương đã ở đáy giếng kêu lên :

-Tô San ! Được rồi hãy kéo lên.

Tô San kéo lên hơn chục thùng nước bẩn, Mặc Nương tìm thấy mười mấy xác chuột chết bỏ vào thùng kéo lên. Khi cô ra khỏi giếng, toàn thân là bùn, cô nghiêm trang bảo mọi người :

-Có nhiều chuột chết trong giếng, nước giếng làm sao không bị nhiễm độc ? Từ nay nước trở lại trong, sẽ không còn ôn dịch nữa.

Cô phá trừ mê tín của bà đồng, trừ được nạn ôn dịch, dưới mắt mọi người trong huyện cô là một vị đại Bồ tát.

Dân chúng trong huyện Bồ Điền phần lớn là ngư dân. Cha của Mặc Nương đương thời là một vị Tuần vũ, đề phòng cướp biển, bảo hộ sự an toàn cho ngư dân.

Lúc đó là tháng 9, mùa Thu, mùa đánh cá, ngư dân chuẩn bị ra biển bắt cá. Mặc Nương nhìn ngọn núi phương Nam rồi bảo cha :

-Bố ! Hôm nay có gió lớn, không nên đi đánh cá.

Ông bố tụ họp ngư dân bảo :

-Hôm nay xác thực có gió lớn, trên đỉnh núi Nam có mây xám vần vũ, nếu có chuyện xẩy ra thì tôi phải làm sao ?

Nhưng vì sinh kế, dù khuyên thế nào, ngư dân vẫn ra biển đánh cá. Ông bố đành chịu, Mặc Nương bảo cha :

-Bố ! Hôm nay nhất định có gió lớn, không đi được.

-Ta ăn cơm của đất nước, thọ bổng lộc sao lại không bảo hộ tính mạng của dân chúng chứ, nhưng họ nguyện ý đi.

Mặc nương biết tính của cha, không nói nữa, quay sang dặn dò ngư dân :

-Nếu như thời tiết đêm nay có biến hóa khiến cho lạc phương hướng, các người cứ hướng thuyền đi về nơi có ánh lửa. Đó là bờ vậy ?

Huyện Bồ Điền có khoảng 300 ngư dân, họ đều ra biển. Sau khi ngư dân ra biển được khoảng 5 giờ thì gió bắt đầu nổi. Mưa lớn như thác đổ trút xuống Bồ Điền. Các thuyền đánh cá bị sóng đánh lúc lên cao, lúc xuống thấp, tiếng kêu cứu thảm thiết của ngư dân hòa vào tiếng mưa, tiếng gió gào thét và tiếng sóng vỗ vào thuyền thật rùng rợn. Lúc đó Mặc Nương ở trong phòng chạy ra gọi tớ gái :

-Tô San ! Mau đốt lửa, chắc họ mất phương hướng rồi !

-Cô sáu, sao chúng ta lại tự đốt phòng mình chứ ?

-Chúng ta không đốt phòng mình, ai lại muốn đốt phòng mình hả, ta chỉ lo cứu người.

Cô chạy ra sân nhà, đốt lên một đống củi khô, dưới sức gió mạnh, ngọn lửa vọt lên cao chiếu sáng cả một vùng. Cô lại ra lệnh cho Tô San kêu các phụ nữ ra khỏi nhà và kêu gọi to lên, còn cô thì chạy ra bãi biển, kêu gào.

Lúc đó ngư dân trong đêm đen mù sương, trông thấy ánh lửa mọi người mừng rỡ bảo nhau :

-Kia là ánh lửa, là cô sáu chỉ điểm cho chúng ta vào bờ, hãy hướng thuyền về phía đó, là có hy vọng sống sót.

Bỗng nhiên một chiếc thuyền gẫy cột buồm bị sóng xô vào bờ, vỡ ngay gần chỗ Mặc Nương đứng. Cô xông tới chỗ thuyền vỡ, đánh ra một chưởng, đuổi sóng ra khơi. Các ngư dân được bảo tồn sinh mạng, nhưng mọi người

nhìn lại không thấy Mặc Nương đâu. Bỗng nhiên trong không trung xuất hiện một đạo hồng quang, Quán Thế Âm Bồ tát hiện ra, tay dắt Mặc Nương hướng về Tây phương mà bay đi.

17- Ngô Phụng.

Ngô Phụng tự Nguyên Huy, người huyện Bình Hòa, tỉnh Phúc Kiến, sinh ngày 18, tháng Giêm năm Khang Hi thứ 38. Từ nhỏ đã thông minh, mẫn tiệp hơn người. Cùng cha là Ngô Chân, mẹ là Sát thị từ Phúc Kiến di cư tới Đài Loan, cư trú ở huyện Gia Nghĩa dưới núi A Lý Sơn. Từ năm 20 tuổi buôn bán với thổ dân nên rất rành tánh tình, phong tục, tập quán, cùng chữ viết của họ. Vì ông rất thành thực nên họ rất mến phục. Về sau, chính phủ muốn phủ dụ dân, tuyển dụng người thông thạo tiếng thổ dân làm thông sự, bèn chọn ông. Lúc đó ông mới 24 tuổi. Ông quản lý thổ dân vùng cao. Ông yêu dân như cha mẹ yêu con cái, một nhà giáo dục yêu học trò, một người bạn tương trợ đồng bào, khiến một vùng hỗn loạn trở nên trật tự. Vùng núi có một nhà tù. Theo phong tục thì cứ vào mùa Thu thời tiết sát thần thì phải giết một người để cúng thần. Mặc dù được Ngô Phụng chỉ bảo, nhưng tập quán quá sâu, không thể bỏ. Ông nghĩ cách hóa giải. Ông bảo họ :

-Các ông giết người Hán được bao nhiêu thủ cấp, có còn không ?

-Còn hơn 40 thủ cấp.

-Giết người là một tội ác, pháp luật nghiêm cấm, từ nay về sau, các ông không được giết người để cúng thần nữa. Dĩ nhiên các ông không thể bỏ được tục lệ, nhưng chúng ta có hơn 40 thủ cấp. Cứ mỗi năm các ông dùng một thủ cấp, không được giết người nữa, nếu không chính phủ sẽ phái binh đến tàn sát các ông.

Các thổ dân nghe lời ông, hơn 40 năm không giết người. Nhưng sau hơn 40 năm khi thủ cấp đã dùng hết, thổ dân lại yêu cầu giết người để tế thần. Sau khi khổ sở cầu khẩn thổ dân ngừng giết người được 3 năm, lại có nạn đói. Do đó thổ dân cho rằng vì không cúng thần nên bị nạn. Họ ồn ào đòi Ngô Phụng

giết người cúng thần. Ngô Phụng biết lần này không còn biện pháp, lòng không chịu nổi, khóc với thổ dân :

-Giết người là chuyện rất tồi tệ, hiện tại mọi người đều muốn giết người, được rồi ngày mai đúng ngọ đến chỗ công sở của ta, Thấy một người mặc áo đỏ, đầu đội mũ thì hãy bắn chết cho ta.

Ngày hôm sau thổ dân mang cung tên đến chỗ hẹn quả nhiên thấy một người mặc áo đỏ, đầu đội mũ, liền bắn chết. Khi lại gần, tháo mũ ra thì kẻ vừa bị giết lại là Ngô Phụng, người mà ai nấy đều yêu quý và kính mến .

Thổ dân hối hận, bi thảm vạn phần, tiếng khóc vang cả rừng núi. Để tưởng niệm Ngô Phụng họ từ bỏ hủ tục giết người để tế thần.

18- Phí Pháp Quan.

Triều nhà Thanh, năm Càn Long, ở tỉnh Giang Tô có nạn. Vì quan huyện trị dân không khéo nên huyện phát sinh dân biến. Nhiều người vác gậy làm loạn. Quan huyện liền báo cáo lên tỉnh. Quan Tuần vũ tự mang binh đến Giang Âm. Phí Hạc Đính là pháp quan ở Thường Châu cùng tri phủ đến thuyền nghinh đón Tuần vũ. Quan Tuần vũ thấy Phí pháp quan dung mạo thanh tú, có học vấn, đạo đức, bèn hỏi :

-Hiện tại bọn dân cầm đầu làm loạn ở Giang Âm đã bị bắt 10 người cứ theo luật, tập thể dân chúng làm loạn đều bị xử tử. Ông làm pháp quan xử làm sao ?

-Đại nhân định xử nghiêm hình hay hậu đạo tích đức ?

-Hãy phân biệt 2 cách rồi ta sẽ lựa chọn.

-Như quả toàn thành bội phản thì phải chịu đồ hình, nhưng dân biến ở Giang Âm là do đói quá, dân kiếm chút gạo đỡ lòng, tịnh không dám chống chính phủ. Nên giết dân toàn thành sợ không đúng ý hiếu sinh của hoàng thượng. Bọn cầm đầu đã bị bắt, theo ngu ý thì đem xử tử bọn chúng, những người còn lại lưu đày hoặc miễn cứu. Đó là hậu đạo tích đức.

Tuần vũ nghe xong truyền Phí pháp quan phán quyết xử tử 1 người trong 10 lưu đầy, còn lại không xét. Phán quyết của ông cứu cả vạn người. Sau ông

làm đến Quang Lục đại phu, Chấn Uy tướng công. Con cháu ông đều có địa vị cao trong xã hội.

Thủ tài tự tọa từ hoa chí quả dịch ngữ cải tác.